BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94383 THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN
(PROFESSIONAL INTERNSHIP IN REAL ESTATE MANAGEMENT)

## I. Thông tin về học phần

- Học kì: 07
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 10 (Lý thuyết: 0 - Thực hành: 10)**
- Giờ học tập:

| Hoạt động học tập | Giờ chuẩn (tiết) | Giờ thực tế (tiết) |
|---|---|---|
| Học lý thuyết trên lớp | *5* | *5* |
| Làm bài tập trên lớp | - | - |
| Thuyết trình và thảo luận trên lớp | - | - |
| Thực hành/thực tập/thí nghiệm trong trường | - | - |
| Thực tập/thực tế ngoài trường | *145* | *290* |
| Thực hiện đồ án | - | - |
| Kiểm tra đánh giá | - | - |
| Giờ tự học | - | *205* |
| **Tổng số tiết** | ***150*** | ***500*** |

- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Hệ thống thông tin TNMT, Trắc địa bản đồ, Quản lý đất đai, Quy hoạch đất đai
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương □ | | Cơ sở ngành □ | | Chuyên ngành ☒ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Chuyên sâu 1 □ | | Chuyên sâu … □ | |
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc ☒ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ |

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh □ Tiếng Việt ☒

## II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

### *2.1. Các chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PI) mà học phần đóng góp*

**Bảng 1. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT**

| Chuẩn đầu ra của CTĐT | Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT | Mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT |
|---|---|---|
| ***Kiến thức chuyên môn*** | | |
| PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản. | PI 1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản. | M |
| PLO2. Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường | PI 2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường và bảo vệ môi trường. | M |
| PLO4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường. | PI 4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường. | M |
| | PI 4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường. | M |
| ***Kỹ năng chung*** | | |
| PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản. | PI 5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. | M |
| | PI 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. | M |
| ***Kỹ năng chuyên môn*** | | |
| PLO6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản. | PI 6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. | M |
| | PI 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản. | M |
| PLO7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát | PI 7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, | M |

| Chuẩn đầu ra của CTĐT | Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT | Mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT |
|---|---|---|
| những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản. | hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản. | |
| | PI 7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản. | M |
| ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | | |
| PLO8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo | PI 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. | M |

*2.2. Mục tiêu của học phần*

**- Về kiến thức:** Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các công việc cụ thể ở địa phương, doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh bất động sản như: Chỉnh lý, cập nhập biến động hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; Xác định loại đô thị, loại đường phố, loại vị trí để điều tra giá đất; xác định giá các thửa đất cụ thể, xây dựng bảng giá đất tại địa phương, xây dựng bản đồ giá đất của địa phương; Tìm hiểu về quy trình môi giới bất động sản tại địa phương, tìm hiểm hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

**- Về kỹ năng:**

Sử dụng các phần mềm chuyên ngành, thiết bị trong đo đạc, chỉnh lý bản đồ và kỹ năng thống kê, kiểm kê đất đai, điều tra giá đất, xây dựng bảng giá đất, bản đồ giá đất;

**- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Thích ứng làm việc độc lập, làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý bất động sản. Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.

*2.3. Chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra học phần (CI)*

**Bảng 2. Chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra học phần**

| Chuẩn đầu ra của học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT |
|---|---|---|
| **Kiến thức** | | |
| CLO1: Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản. | CI 1.1. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực bất động sản. | PI 1.3 |
| CLO2: Áp dụng kiến thức xây dựng đề cương nghiên cứu trong | CI 2.1. Áp dụng kiến thức xây dựng đề cương, báo cáo thực tập nghề | PI 2.2 |

| Chuẩn đầu ra của học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT |
|---|---|---|
| công tác quản lý và kinh doanh bất động sản | nghiệp | |
| CLO3: Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường | CI 3.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản theo nội dung thực tập tại địa phương thực tập | PI 4.1 |
| CLO4: Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường | CI 4.1. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản theo nội dung thực tập tại địa phương thực tập | PI 4.2 |
| **Kỹ năng** | | |
| CLO5: Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp | CI 5.1. Ứng xử phù hợp với địa phương/doanh nghiệp trong quá trình thực tập tại cơ sở. | PI 5.1 |
| CLO6: Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp. | CI 6.1. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp | PI 5.2 |
| CLO7: Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp. | CI 7.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp. | PI 6.1 |
| CLO8: Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp. | CI 8.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản trong quá trình thực tập tại địa phương/doanh nghiệp. | PI 6.2 |
| CLO9: Thích ứng làm việc độc lập, làm việc nhóm tại cơ sở thực tập, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong thời gian thực tập tại cơ sở. | CI 9.1. Thích ứng làm việc độc lập, làm việc nhóm tại cơ sở thực tập, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn. | PI 7.1 |
| | CI 9.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong thời gian thực tập tại cơ sở. | |
| CLO10: Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề Quản lý/kinh doanh bất động sản tại địa phương/doanh nghiệp thực tập. | CI 10.1. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về vấn đề Quản lý/kinh doanh bất động sản tại địa phương/doanh nghiệp thực tập. | PI 7.2 |

| Chuẩn đầu ra của học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần | Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT |
|---|---|---|
| **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | | |
| CLO11: Tích cực đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn | CI 11.1. Tích cực đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn | PI 8.1 |

**III. Nội dung tóm tắt của học phần**

**TM94383. Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản** (Professional internship in real estate management ) (10: Lý thuyết: 0 – Thực hành: 10 – Tự học: 205 tiết). Học phần gồm các nội dung: Thực hiện một số nghiệp vụ tại địa phương, doanh nghiệp như: Chỉnh lý, cập nhập biến động hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; Xác định loại đô thị, loại đường phố, loại vị trí để điều tra giá đất; xác định giá các thửa đất; các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất; xây dựng bảng giá đất tại địa phương; xây dựng bản đồ giá đất của địa phương; Tìm hiểu về quy trình môi giới bất động sản tại địa phương; tìm hiểu hoạt động của sàn giao dịch bất động sản. Học phần tiên quyết: Không.

**IV. Phương pháp giảng dạy và học tập**

***4.1. Phương pháp giảng dạy***

- Thuyết giảng
- Tham quan, dã ngoại
- Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy
- Hướng dẫn làm bài thực hành/thực tập tại cơ sở.
- Dạy học qua hệ thống VNUA-LMS.

***4.2. Phương pháp học tập***

- Nghe giảng, quan sát
- Thảo luận; làm việc nhóm.
- Chủ động thu nhận thông tin để hiểu và nắm vững các nội dung công việc thực tập.
- Tham quan, dã ngoại, điều tra thực địa.
- Tự học
- Học trên hệ thống VNUA-LMS.

**V. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Chuẩn bị cho thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo, tham gia tập huấn trước khi đến cơ sở thực tập.
- Thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở.
- Bài tập/Thực hành: Tất cả sinh viên phải hoàn thành các bài tập/thực hành tại cơ sở.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm báo cáo thực tập và thi vấn đáp.

**VI. Phương pháp đánh giá**

***6.1. Thang điểm: 10***

***6.2. Phương pháp đánh giá***

**Bảng 3. Kế hoạch đánh giá và trọng số điểm**

| Hoạt động đánh giá | Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá | Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Điểm số của hoạt động đánh giá phân bổ cho từng Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Trọng số của chỉ báo chuẩn đầu ra học phần trên điểm toàn phần (%) | Trọng số của hoạt động đánh giá (%) | Thời gian/ Tuần học |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (4)*(6)/10 | (6) | (7) |
| **Đánh giá chuyên cần** | | | | | **10** | |
| Tham dự thực tập tại cơ sở | CLO9 | CI 9.1 | 10 | 10 | 10 | |
| **Đánh giá thường xuyên** | | | | | **30** | |
| Đánh giá của cơ sở thực tập | CLO5 | CI 5.1 | 2 | 6,0 | 30 | |
| | CLO6 | CI 6.1 | 1,5 | 4,5 | | |
| | CLO7 | CI 7.1 | 1,5 | 4,5 | | |
| | CLO8 | CI 8.1 | 1,5 | 4,5 | | |
| | CLO9 | CI 9.2 | 2 | 6,0 | | |
| | CLO11 | CI 11.1 | 1,5 | 4,5 | | |
| **Đánh giá cuối kì** | | | | | **60** | |
| Báo cáo thu hoạch | CLO1 | CI 1.1 | 2 | 12 | 60 | |
| | CLO2 | CI 2.1 | 2 | 12 | | |
| | CLO3 | CI 3.1 | 2,5 | 12 | | |
| | CLO4 | CI 4.1 | 2,5 | 12 | | |
| | CLO10 | CI 10.1 | 1 | 12 | | |
| **Tổng** | | | | **100%** | **100%** | |

### *6.3. Rubric dùng cho các hoạt động đánh giá định tính*

**Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (Cơ sở thực tập đánh giá)**

| Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Hệ số của tiêu chí đánh giá | Thang đánh giá cho điểm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Tốt 8.5 – 10 điểm** | **Khá 6.5 – 8.4 điểm** | **Trung bình 4.0 – 6.4 điểm** | **Kém 0 – 3.9 điểm** |
| CI 9.1 | Tham gia hoạt động chuyên môn tại cơ sở | 0,5 | Rất tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở | Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở | Có tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở | Ít tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở |
| | Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm | 0,5 | Rất thích ứng làm việc độc lập hoặc làm | Khá thích ứng làm việc độc lập hoặc | Chậm thích ứng làm việc độc lập | Không thích ứng làm việc độc lập hoặc |

| Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Hệ số của tiêu chí đánh giá | Thang đánh giá cho điểm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
| | | | việc nhóm | làm việc nhóm | hoặc làm việc nhóm | làm việc nhóm |

**Rubric2. Đánh giá thường xuyên (Cơ sở thực tập đánh giá)**

| Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Hệ số của tiêu chí đánh giá | Thang đánh giá cho điểm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
| CI 5.1 | Ứng xử với địa phương trong quá trình thực tập | 2 | Ứng xử tốt | Ứng xử khá | Ứng xử trung bình | Ứng xử kém |
| CI 6.1 | Kỹ năng sử dụng công nghệ và thiết bị đa phương tiện | 1,5 | Kỹ năng tốt | Kỹ năng khá | Kỹ năng trung bình | Kỹ năng kém |
| CI 7.1 | Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hành chính trong đo đạc, lập bản đồ, xây dựng HTTT đất đai và BĐS | 1,5 | Kỹ năng tốt | Kỹ năng khá | Kỹ năng trung bình | Kỹ năng kém |
| CI 8.1 | Kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hành chính trong đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh BĐS | 1,5 | Kỹ năng tốt | Kỹ năng khá | Kỹ năng trung bình | Kỹ năng kém |
| CI 9.2 | Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn | 2 | Kỹ năng tốt | Kỹ năng khá | Kỹ năng trung bình | Kỹ năng kém |
| CI 11.1 | Tích cực đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu | 1,5 | Rất tích cực | Khá tích cực | Tích cực | Không tích cực |

**Rubric 3: Đánh giá báo cáo thu hoạch**

| Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Hệ số của tiêu chí đánh giá | Thang đánh giá cho điểm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
| CI 1.1 | Đặt vấn đề và tổng quan thể hiện sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực BĐS | 2 | Hiểu biết tốt | Hiểu biết khá | Hiểu biết trung bình | Hiểu biết kém |

| Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần được đánh giá | Tiêu chí đánh giá | Hệ số của tiêu chí đánh giá | Thang đánh giá cho điểm | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
| CI 2.1 | Nội dung, phương pháp nghiên cứu | 2 | Rất phù hợp | Khá phù hợp | Phù hợp | Ít phù hợp |
| CI 3.1 + CI 4.1 | Kết quả nghiên cứu phân tích được thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lý BĐS tại địa phương | 5 | Kết quả nghiên cứu và giải pháp phù hợp. | Kết quả nghiên cứu và giải pháp có sai sót, ít ảnh hưởng | Kết quả nghiên cứu và giải pháp sai sót ảnh hưởng nhiều. | Kết quả nghiên cứu và giải pháp không phù hợp |
| CI 10.1 | Kết luận phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương | 1 | Rất phù hợp | Khá phù hợp | Phù hợp | Ít phù hợp |

## VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

***7.1. Giáo trình/Bài giảng***

1. Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh (2022). Giáo trình thuế bất động sản. NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam (2022). Giáo trình thị trường bất động sản. NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

3. Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh. Giáo trình quản lý sàn giao dịch bất động sản (2021). NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

4. Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung (2020). Giáo trình Bản đồ địa chính – NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**** Tài liệu tham khảo khác:***

1. Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam, Trần Trọng Phương, Phan Đình Binh, Nguyễn Văn Quân, Trương Quang Ngân, Phạm Thanh Quế, Nguyễn Đình Trung, Vũ Thanh Biển, Trần Thái Yên, & Vũ Thanh Biển. (2021). Quản lý đất đai tại Việt Nam: Lý luận và thực tiễn. Nxb Đại học Quốc gia.

2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2024). Luật số 31/2024/QH15 Luật Đất đai.

3. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2023). Luật số: 29/2023/QH15. Luật kinh doanh bất động sản.

## VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | Phương pháp giảng dạy | Phương pháp đánh giá | Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1 | ***Nội dung 1: Tập huấn nội dung thực tập (5 tiết)*** | | | |
| | **CĐR bài học (LLO) của nội dung 1:** LLO1.1: Nắm được nội dung thực tập | Thuyết giảng | Viết và trình bày | CLO2 |

| Tuần | Nội dung | Phương pháp giảng dạy | Phương pháp đánh giá | Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | nghề nghiệp<br>LLO1.2: Nắm được cách xây dựng đề cương thực tập nghề nghiệp, viết báo cáo thực tập. | | đề cương nghiên cứu | |
| | **Nội dung tự học**: *(15 tiết)*<br>Xây dựng đề cương thực tập nghề nghiệp | | | CLO2. CLO11 |
| 1-10 | ***Nội dung 2: Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp (290 tiết)*** | | | |
| | Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp theo đề cương thực tập nghề nghiệp tại địa phương, doanh nghiệp. | Thuyết giảng, hướng dẫn, thảo luận | Trắc nghiệm, tự luận, đặt câu hỏi | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11 |
| | **Nội dung tự học**: *(190 tiết)*<br>Tổng hợp tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo | Báo cáo | Viết và trình bày báo cáo | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO10, CLO11 |

**IX. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy và học học phần**

- Phòng làm việc: Có phòng làm việc cho sinh viên tại cơ sở thực tập, phòng họp, làm việc nhóm.
- Phòng thực hành: thoáng mát, sạch sẽ, đủ CSVC phục vụ học phần.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng phấn đầy đủ, projector hoạt động tốt (rõ nét), hệ thống loa và micro hoạt động tốt. Đủ máy móc, thiết bị, cho sinh viên thực hành trong phòng thực hành.
- Hệ thống VNUA-LMS: Mạng internet ổn định, dễ truy cập, hệ thống LMS hoạt động ổn định.

*Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026*

| TRƯỞNG KHOA | GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN |
|---|---|
| PGS.TS. Trần Trọng Phương | PGS.TS. Trần Quốc Vinh |

## PHỤ LỤC
## THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

**Giảng viên phụ trách học phần**

| | |
|---|---|
| Họ và tên: Trần Quốc Vinh | Học hàm, học vị: PGS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0906869368 |
| Email: tqvinh@vnua.edu.vn | Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/he-thong-thong-tin-dat-dai |
| Cách liên lạc với giảng viên: | Email, điện thoại, gặp trực tiếp |

| | |
|---|---|
| Họ và tên: Đỗ Văn Nhạ | Học hàm, học vị: PGS. Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0353383368 |
| Email: dovannha@vnua.edu.vn | Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quy-hoach-dat-dai |
| Cách liên lạc với giảng viên | Email, điện thoại, gặp trực tiếp |

| | |
|---|---|
| Họ và tên: Nguyễn Văn Quân | Học hàm, học vị: Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0912815496 |
| Email: nvquan@vnua.edu.vn | Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai |
| Cách liên lạc với giảng viên | Email, điện thoại, gặp trực tiếp |

| | |
|---|---|
| Họ và tên: Trần Trọng Phương | Học hàm, học vị: PGS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 0989885868 |
| Email: ttphuong@vnua.edu.vn | Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/trac-dia |
| Cách liên lạc với giảng viên | Email, điện thoại, gặp trực tiếp |

## CÁC LẦN CẢI TIẾN
**(đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)**

Lần 1- Tháng 7/2024: Cải tiến chương trình đào tạo. Chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo

Lần 2- tháng 5/2026: Chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.